

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YK - TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03/12/2020
V/v Ly hôn; tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YK - TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Thu, Chủ tịch UBMT tổ quốc Việt Nam xã Khánh Phú.
2. Ông An Văn Dương, nguyên là giáo viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Cường, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YK tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huyền Tâm, Kiểm sát viên

Ngày 03/12/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/10/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/11/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H sinh năm 1985; địa chỉ xóm 8, xã K, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho chị H: Bà Đỗ Thị C sinh năm 1963; địa chỉ xóm 5, xã K, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; là mẹ chị H; có mặt.

Bị đơn: Anh Mai Thanh TH sinh năm 1990; địa chỉ xóm 8, xã K, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho anh TH: Bà Ngô Thị Hồng M sinh năm 1960; địa chỉ xóm 8, xã K, huyện YK, Ninh Bình; là mẹ anh TH, đại diện theo quyết định chỉ định người đại diện trong tố tụng dân sự số 02/2020/QĐ-CDNDD ngày 02/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện YK; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện ngày 03/10/2020, bản tự khai ngày 16/10/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn là chị H trình bày: Chị H và anh TH kết hôn với nhau là do hai bên tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã K ngày 23/11/2016. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh TH sau khi bị tai nạn trí nhớ có phần giảm sút nên

không quan tâm đến vợ con, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành; từ tháng 03 năm 2019 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau; nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị H xin được ly hôn với anh TH. Về con, vợ chồng có 01 con là cháu Mai Thu H1 sinh ngày 25/03/2018, chị H đề nghị giao cháu H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi, chị H không yêu cầu anh TH pTH cấp dưỡng nuôi con, chị H cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt của cháu H1. Về tài sản, vợ chồng không có tài sản; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Tại bản tự khai ngày 02/11/2020 và tại phiên tòa bà C đại diện cho chị H trình bày: Chị H kết hôn với anh TH vào năm 2016, do hai bên tự nguyện, do cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, nên chị H và anh TH đã sống ly thân nhau 02 năm nay; đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh TH. Về con, vợ chồng chị H có 01 con là cháu Mai Thu H1 sinh ngày 25/03/2018 đề nghị Tòa án giao cháu H1 cho chị H nuôi dưỡng và không yêu cầu anh TH pTH cấp dưỡng nuôi cháu H1.

Tại bản tự khai ngày 22/10/2020 và tại phiên tòa bị đơn là anh TH trình bày: Anh TH và chị H tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã K ngày 23/11/2016. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh TH bị tai nạn giao thông nên việc chăm sóc con cái không được tốt, chị H cho rằng anh TH không làm ra tiền. Từ tháng 03/2019 cho đến nay vợ chồng sống ly thân; nay tình cảm không còn nên anh TH đồng ý ly hôn với chị H. Về con, vợ chồng có 01 con là cháu Mai Thu H1 sinh ngày 25/03/2018, anh TH đồng ý giao cháu H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H1 trưởng thành, anh TH không có khả năng cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, vợ chồng không có tài sản; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Tại bản tự khai ngày 02/11/2020 và tại phiên tòa bà M đại diện cho anh TH trình bày: Anh TH và chị H kết hôn với nhau vào năm 2016, do hai bên tự nguyện, do cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân nhau 02 năm nay; nay chị H có đơn xin ly hôn anh TH, gia đình đồng ý để chị H và anh TH được ly hôn nhau. Về con, vợ chồng anh TH và chị H có 01 con là cháu Mai Thu H1 sinh ngày 25/03/2018 gia đình giao cháu H1 cho chị H nuôi dưỡng việc cấp dưỡng nuôi cháu H1 để gia đình tự giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đối với vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật; các bên đương sự trong vụ án đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử, quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

- Chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Mai Thanh TH.
- Về con: Giao cháu Mai Thu H1 sinh ngày 25/03/2018 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; anh TH không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H.
- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần pTH giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Chị H khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con đôi với anh TH, việc khởi kiện của chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh TH có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xóm 8, xã K, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện YK thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về năng lực hành vi tố tụng dân sự của đương sự:

- Đối với nguyên đơn: Chị H bị di chứng và nói ngọng, nên bố mẹ chị H là ông Bùi Ngọc NH và bà Đỗ Thị C thỏa thuận cử bà C là người đại diện cho chị H tham gia tố tụng, để bảo vệ quyền lợi cho chị H trong việc giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Đối với bị đơn: Theo bản sao Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 28/4/2015 của Ủy ban nhân dân huyện YK về việc điều chỉnh mức trợ cấp xã hội của ông Mai Thanh TH là đối tượng “Người khuyết tật nặng đặc biệt nặng”. Tòa án đã giải thích để cho chị H và bà M thực hiện quyền yêu cầu tuyên bố anh TH mất năng lực hành vi dân sự, nhưng chị H và bà M đều có đơn không yêu cầu. Do đương sự không có yêu cầu tuyên bố anh TH mất năng lực hành vi dân sự, căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào Điều 88 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ra quyết định chỉ định bà M là mẹ anh TH là người đại diện cho anh TH tham gia tố tụng, để bảo vệ quyền lợi cho anh TH trong việc giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2] Về nội dung vụ án:

Về yêu cầu ly hôn:

Theo chị H và anh TH đều khai, chị H và anh TH đều tự nguyện kết hôn với nhau; có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã K ngày 23/11/2016. Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện YK ngày 29/10/2020, đại diện Ủy ban nhân dân xã K cung cấp “Theo hồ sơ đăng ký kết hôn, tại thời điểm kết hôn anh TH chưa có cơ quan nào tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, do vậy theo quy định của pháp luật

anh TH đủ điều kiện kết hôn”; theo bà M khai “anh TH được hưởng chế độ người khuyết tật nặng là do bị tai nạn giao thông; anh TH vẫn sinh hoạt bình thường, nhận thức được”. Như vậy, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, thì hôn nhân giữa chị H và anh TH là hợp pháp.

Lý do ly hôn, theo lời khai của các đương sự, từ năm 2017 chị H và anh TH phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 3/2019 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau; điều này thể hiện tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh TH trong thời gian qua đã không còn yêu thương quý trọng nhau, không chăm sóc giúp đỡ nhau, không giúp đỡ tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt; dẫn đến hôn nhân giữa chị H và anh TH đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, cho chị H và anh TH ly hôn.

Về con: Chị H và anh TH có 01 con là cháu Mai Thu H1 sinh ngày 25/03/2018; chị H đề nghị giao cháu H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh TH pTH cấp dưỡng nuôi con và chị H cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống của cháu H1. Xét cháu H1 dưới 36 tháng tuổi nên giao cháu H1 cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật; chị H không yêu cầu anh TH cấp dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh của anh TH, nên Tòa án không buộc anh TH pTH cấp dưỡng nuôi cháu H1.

Về tài sản: Chị H và anh TH đều trình bày, vợ chồng không có tài sản và vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

[3] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị H là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

2. Xử:

2.1 Về yêu cầu ly hôn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị H, cho chị Bùi Thị H và anh Mai Thanh TH ly hôn; quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh TH chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.1 Về con: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị H, giao cháu Mai Thu H1 sinh ngày 25/03/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi; anh TH không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H.

Anh TH có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu H1 được sống chung với chị H và anh TH có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu H1; chị H không được cản trở anh TH trong việc thăm nom, chăm sóc cháu H1.

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002269 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YK, chị H đã nộp đủ án phí ly hôn.

Nguyên đơn, người đại diện cho nguyên đơn; bị đơn, người đại diện cho bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện YK
- UBND xã K
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực